

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

- 1 -
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 07-8-2020.
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Mỹ Hạnh**.
- Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Đàm Thị Thanh Loan**.
2/ Ông **Bùi Chí Tâm**.

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà **Thạch Thị Diễm Trinh** - Thẩm tra viên
Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông **Trương Minh Diên** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 35/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29/7/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim P**, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ thường trú: Khóm Tân Chánh, phường 2, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Tạm trú: Số 50, khóm A, phường B, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm Tân C, phường A, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị Kim P trình bày:** Chị và anh **Nguyễn Văn C** tự nguyện chung sống với nhau và có tổ chức lễ cưới năm 2004. Sau đó vào ngày 18/9/2008 thì vợ chồng chị mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long T, huyện Ngã Năm (nay là Phường A, thị xã Ngã Năm), tỉnh Sóc Trăng. Quá trình chung sống vợ chồng chị có 02 con chung tên **Nguyễn Kim N**, sinh ngày 03/4/2006 và **Nguyễn Thảo Ng**, sinh ngày 14/02/2009. Hiện 02 con đang

sống với chị. Quá trình chung sống thì vợ chồng chị có tài sản chung và nợ chung nhưng chị không yêu cầu. Thời gian đầu vợ chồng chị chung sống với nhau rất hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian gần đây thì vợ chồng chị bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong lối sống, không hợp nhau về tính cách, bất đồng ý kiến, từ đó chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên vợ chồng chị bắt đầu sống ly thân kể từ tháng 4/2019 cho đến nay. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chị không có ai biết. Tại phiên tòa hôm nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Chị yêu cầu nuôi 02 con là Nguyễn Kim N, sinh ngày 03/4/2006, Nguyễn Thảo Ng, sinh ngày 14/02/2009 và chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Chị không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Bị đơn vắng mặt không có ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, Thẩm phán, Thư ký, HĐXX đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Còn bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ.

- Về việc giải quyết vụ án: Chị P và anh C sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Long T, huyện Ngã Năm (nay là Phường A, thị xã Ngã Năm), tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn nên xem đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Về con chung chị P yêu cầu nuôi 02 con chung tên Nguyễn Kim N, sinh ngày 03/4/2006 và Nguyễn Thảo Ng, sinh ngày 14/02/2009, và 02 con cũng có nguyện vọng được sống với mẹ là chị P, anh C không có ý kiến gì. Vì vậy nghị nên đề nghị giao 02 con cho chị P nuôi, về mức cấp dưỡng thì chị P không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn thì chị P và anh C không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, vì vậy HĐXX căn cứ vào điểm

b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim P và anh Nguyễn Văn C được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Long T, huyện Ngã Năm (nay là Phường A, thị xã Ngã Năm), tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/9/2008. Thấy rằng, hôn nhân của chị P và anh C là hoàn toàn tự nguyện, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, quá trình chung sống giữa anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, theo chị P trình bày vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm trong lối sống, nên chị P yêu cầu ly hôn với anh C. Lẽ ra, trong quá trình chung sống thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, để cùng nhau xây dựng gia đình đầm ấm, hạnh phúc; nhưng ngược lại chị P và anh C đã không làm được điều đó; từ những vấn đề phát sinh trong đời sống hằng ngày anh chị không có sự thông cảm cho nhau, nên đã làm cho gia đình xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được, đời sống chung không còn hoà hợp với nhau nữa, nên vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Sau khi thụ lý Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng cho anh, chị để cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng anh C không đến; Mặc khác căn cứ vào biên bản xác minh ngày 08/7/2020 của bà Phan Thị M là mẹ ruột của anh C có trình bày là việc Chị P yêu cầu ly hôn thì anh C cũng biết nhưng anh C không đồng ý ra Tòa vì bận đi làm và vợ chồng Chị P, anh C đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Từ đó, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa hai người không còn, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không có cơ sở để tồn tại và mục đích hôn nhân không thể đạt được nên việc Chị P yêu cầu ly hôn với anh C là có cơ sở. Do đó, HĐXX căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị P.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, Chị P và anh C có 02 con chung tên Nguyễn Kim Ngân, sinh ngày 03/4/2006 và Nguyễn Thảo Nguyên, sinh ngày 14/02/2009 hiện nay 02 con đang sống với Chị P, Chị P có yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng, còn anh C thì không có yêu cầu gì. Xét thấy, yêu cầu được nuôi con của Chị P là yêu cầu hoàn toàn chính đáng, được luật Hôn nhân và Gia đình ghi nhận và bảo vệ. Tại biên bản làm việc ngày 06/8/2020 của 02 cháu Ngân và Nguyên trình bày thì khi cha, mẹ ly hôn thì 02 cháu có nguyện vọng sống với mẹ là Nguyễn Thị Kim P vì Chị P quan tâm và chăm sóc 02 con nhiều hơn nên HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014, giao 02 con cho Chị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do Chị P không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Chị P và anh C không yêu cầu xem xét nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ, đúng quy định pháp luật và phù hợp với nhận định nêu trên của HĐXX nghĩ nên chấp

nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Anh Nguyễn Văn C không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị P. Cho chị Nguyễn Thị Kim P được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

[2]. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Kim N, sinh ngày 03/4/2006 và Nguyễn Thảo Ng, sinh ngày 14/02/2009 cho chị Nguyễn Thị Kim P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do Chị P không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết. Anh Nguyễn Văn C được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Chị P và anh C không yêu cầu xem xét, giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003362 ngày 14/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm; Như vậy, xem như chị Nguyễn Thị Kim P đã nộp xong tiền án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (*Được sửa đổi, bổ sung năm 2014*), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- UBND phường 2, TX Ngã Năm;
- Các đương sự;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Mỹ Hạnh

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (*Được sửa đổi, bổ sung năm 2014*), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

- 6 -

quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM TAND THỊ XÃ NGÃ NĂM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

